TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 476/2025/DS-PT
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản, Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kiện đòi tài sản, tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng
Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2025/TLPT- DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 về *"tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 365/2025/QĐ–PT ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 301/34, ấp Bình Tây, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là: Số 301/34, ấp Bình Tây, xã V1, tỉnh V). (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 301/34, ấp Bình Tây, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là: Số 301/34, ấp Bình Tây, xã V1, tỉnh V). (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là: Ấp Vĩnh Phú, xã V1, tỉnh V). (có mặt)

2. Bà Nguyễn V2, sinh năm 1971; (có mặt)

3. Bà Nguyễn HN, sinh năm 1995; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là: Ấp Vĩnh Phú, xã V1, tỉnh V).

4. Ông Nguyễn Thanh HN7, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng 1, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là: Ấp Vĩnh Hưng 1, xã V1, tỉnh V). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh T6, sinh năm 1983; (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu T8, sinh năm 1984; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Phú L1, xã Hưng Khánh Trung B, huyện L, tỉnh E (nay là: Ấp Phú L1, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh V).

3. Ngân hàng A:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hưng Q - Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện L E. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L1 trình bày:

Bà Trương Thị Lài (chết ngày: 10/5/2020), bà có 02 người chồng là Huỳnh Văn Hết (chết năm 2006) và Nguyễn Văn Kế (chết năm 1970). Cha mẹ của bà Lài chết trước bà Lài. Bà Lài không có cha nuôi, không có mẹ nuôi và không có con nuôi. Bà Lài có các người con ruột như sau:

Bà Lài và ông Kế có 02 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn Đum, sinh năm 1956 (đã chết, không có vợ, con) và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1959.

Bà Lài và ông Hết có 03 người con chung gồm: Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1968; bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn V2, sinh năm 1972.

Khi còn sống, bà Lài có tài sản là các thửa đất 267 diện tích 4.196,3m^2; thửa đất 269 diện tích 3.812,9m^2 (nay là các thửa đất 691 diện tích 2.746,7m^2 và thửa đất 692 diện tích 1.099,5m^2), cùng tờ bản đồ 19, tọa lạc tại ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E. Bà Lài sống với bà Đ1, bà Vỡ. Sau khi bà Lài chết thì bà Đ1, bà Vỡ quản lý toàn bộ tài sản của bà Lài. Bà Đ1, bà Vỡ không cho ông và bà N1 đến thắp hương và tuyên bố các phần đất của bà Lài là của bà Đ1, bà Vỡ. Tháng 8/2020, các nguyên đơn có nộp đơn tranh chấp thừa kế tại Ủy ban nhân dân xã V1 nhưng do bà Đ1, bà Vỡ không đến nên không hòa giải được. Lúc này, do ảnh

hưởng của dịch bệnh Covid nên hồ sơ chậm nộp đến Tòa án. Đến năm 2021, nguyên đơn phát hiện bà Đ1 và bà Vỡ đã tự kê khai thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên, cụ thể như sau:

Bà Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất đối với thửa đất 267 diện tích 4.196,3m^2. Ngày 11/3/2022, bà Đ1 đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông Nguyễn Văn Thanh T6 với giá 1.260.000.000 đồng.

Bà Vỡ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 269 diện tích 3.821,9m^2. Sau đó bà Vỡ tách thửa đất 269 tách thành thửa đất 691, diện tích 2.746,7m^2 và thửa đất 692, diện tích 1.099,5m^2.

Bà Vỡ giữ lại thửa đất 692. Còn thửa đất 691, bà Vỡ làm hợp đồng tặng cho con gái là bà Nguyễn HN. Sau khi bà Như được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 11/3/2022, bà Như chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thanh T6 với giá 1.400.000.000 đồng. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay thì ông T6 chưa nhận đất, chưa canh tác các thửa đất này.

Ông L1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 21/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn V2 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện L, tỉnh E đối với các thửa đất 267, 269, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là các thửa đất 267, 692, 691).

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/2022 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn Thanh T6 đối với phần đất thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 19 tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn Thanh T6.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/3/2021 giữa bà Nguyễn V2 và bà Nguyễn HN đối với phần đất thuộc thửa đất 691, tờ bản đồ 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/2022 giữa bà Nguyễn HN và ông Nguyễn Văn Thanh T6 đối với phần đất thuộc thửa 691 tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị HN và ông Nguyễn Văn Thanh T6.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nói trên lại cho bà Trương Thị Lài.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trương Thị Lài đối với các thửa đất nói trên, cụ thể:

Ông L1 yêu cầu nhận ¼ diện tích của thửa đất 691, 692. Vị trí phần đất được nhận thì ông L1 yêu cầu nhận phần đất tại vị trí có nhà mồ của bà Lài; đối với

thửa đất 267 ông yêu cầu nhận ¼ diện tích đất, vị trí phần đất yêu cầu nhận tùy theo Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với căn nhà thờ thì ông L1 không yêu cầu chia thừa kế. Ông đồng ý để căn nhà này cho bà Đ1 quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N1 trình bày:

Bà N1 thống nhất với lời trình bày của ông L1, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 21/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn V2 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện L, tỉnh E đối với các thửa đất 267, 269, cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E (nay là các thửa 267, 692, 691).

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/2022 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn Thanh T6 đối với phần đất thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn Thanh T6.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/3/2021 giữa bà Nguyễn V2 và bà Nguyễn HN đối với phần đất thuộc thửa đất 691, tờ bản đồ 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/3/2022 giữa bà Nguyễn HN và ông Nguyễn Văn Thanh T6 đối với phần đất thuộc thửa 691, tờ bản đồ số 19 tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn HN và ông Nguyễn Văn Thanh T6.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên cho bà Trương Thị Lài đứng tên. Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trương Thị Lài đối với các thửa đất nói trên, cụ thể:

Bà N1 yêu cầu yêu cầu nhận ¼ diện tích của thửa đất 691, 692. Vị trí phần đất yêu cầu được nhận thì bà N1 yêu cầu nhận phần đất liền kề với phần đất có căn nhà của bà Đ1 đang quản lý và giáp với thửa đất bà Nguyễn Thị Ánh; đối với thửa đất 267, bà N1 yêu cầu nhận ¼ diện tích đất, vị trí phần đất yêu cầu nhận tùy theo Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với căn nhà thờ thì bà N1 không yêu cầu chia thừa kế, đồng ý để căn nhà này cho bà Đ1 quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn Bà Đ1, bà Võ, bà Như là ông Nguyễn Đăng Phong trình bày:

Các bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 và bà N1 với lý do ông L1 và bà N1 không phải là con ruột hoặc con nuôi của

bà Trương Thị Lài. Giấy khai sinh của ông L1 và bà N1 là không đúng sự thật, các phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông Nguyễn Văn Kế để lại cho ông Kế, ông Kế chết thì để lại cho vợ là bà Lài, bà Lài để lại cho 02 người con gái là bà Đ1 và bà Vỡ.

Hiện tại các phần đất và nhà có trên đất này bà Đ1 và bà Như đã chuyển nhượng cho ông T6, đã nhận đủ tiền theo hợp đồng chuyển nhượng và được ông T6 cho ở nhờ thêm một khoảng thời gian nữa sẽ giao toàn bộ nhà và đất cho ông T6 theo thỏa thuận giữa hai bên.

Các bị đơn thống nhất với kết quả định giá tài sản được ghi nhận tại Biên bản định giá tài sản ngày 27/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện L, tỉnh E; không yêu cầu định giá lại.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh HN7 trình bày:

Ông không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp di sản thừa kế, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn L1 nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 và người đại diện theo ủy quyền của ông T6, bà T8 là bà Trần Thị Cẩm Tú trình bày:

Bà Lài có hỏi vay tiền của ông T6. Lúc đầu vay khoảng 150.000.000 đồng, mượn nhiều lần. Sau đó, bà Đ1, bà Vỡ có mượn thêm 300.000.000 đồng, các lần vay không có biên nhận. Lúc mượn tiền thì bà Đ1, bà Vỡ, bà Lài hứa nếu không trả được sẽ bán đất để trả. Đến năm 2019, các bên thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trừ vào khoảng nợ nói trên.

Ngày 11/3/2022, bà Đ1 chuyển nhượng cho ông T6, bà T8 thửa đất 267, tờ bản đồ số 19 với giá 1.260.000.000 đồng các bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 11/3/2022 và ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/4/2022. Cùng ngày bà Nguyễn HN có chuyển nhượng cho ông T6 phần đất tại thửa đất 691, tờ bản đồ số 19 với giá 1.400.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 11/3/2022 được công chứng và ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/4/2022. Các phần đất nhận chuyển nhượng nêu trên là thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông T6, không liên quan đến bà T8. Ông T6 đã trả đủ tiền cho bà Đ1 và bà Như. Bà Đ1, bà Như có xin ông ở lại trên phần đất này thêm một khoảng thời gian để bà Như, bà Đ1 sắp xếp chỗ ở mới. Do có nhu cầu cần vốn để cải tạo phần đất này và để làm cây kiểng nên ông T6 đã vay Ngân hàng Agribank - Chi nhánh L số tiền 800.000.000 đồng (Theo hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-20221705 vào ngày 06/5/2022). Đồng thời ông T6 đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất 691, 267, tờ bản đồ số 19 cho Ngân hàng. Đến ngày 06/5/2025 ông T6

và bà T8 đã trả tất nợ vay tại Ngân hàng. Đối với yêu cầu của ông L1, bà N1 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng của ông T6 với bà Đ1, bà Như thì ông T6 không đồng ý. Vì ông T6 nhận chuyển nhượng đất hợp pháp, đã giao đủ tiền cho bà Đ1, bà Như. Bà Như, bà Đ1 cũng đã giao đất và ông đã vào canh tác phần đất này.

Nay ông T6 có yêu cầu độc lập trong vụ án yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bà Đ1 trả lại phần đất thuộc thửa đất 267; Yêu cầu bà Như trả lại đất và công trình thuộc thửa đất 691. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và các nguyên đơn có nhận phần đất nào trong thửa đất 267, 691 thì các nguyên đơn phải bồi thường giá trị đất và tài sản lại cho ông T6 theo giá Hội đồng định giá đã định. Đối với kết quả đo đạc, định giá năm 2022 ông T6 đồng ý và không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 04/12/2024, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A – Chi nhánh huyện L, tỉnh E trình bày:

Ngày 06/5/2022 ông T6, bà T8 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 7106-LAV-202201705 với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích: sản xuất cây kiểng. Tài sản thế chấp là thửa đất 691, tờ bản đồ số 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E. Do tài sản đảm bảo tiền vay phát sinh tranh chấp nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông T6 và bà T8 thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay (bao gồm số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả tất nợ) cho Ngân hàng. Trường hợp ông T6 và bà T8 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý tài sản đảm bảo tiền vay nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin rút yêu cầu độc lập ngày 07/5/2025, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E rút đơn yêu cầu độc lập đối với ông T6 và bà T8 do ông T6 và bà T8 đã trả tất nợ vay tại Ngân hàng vào ngày 06/5/2025.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V) đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V), đã quyết định (tóm tắt):

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc *"Yêu cầu huỷ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* ".

[1.1] Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 21/01/2021 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn V2 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện L, tỉnh E đối với các thửa đất 267, 269 (nay là các thửa đất 267, 691, 692), tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

[1.2] Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/3/2022 và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn Thanh T6 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh Thúy đối với thửa đất 267, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

[1.3] Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 10/3/2021 giữa bà Nguyễn V2 và bà Nguyễn HN được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện L, tỉnh E đối với thửa đất 691, tờ bản đồ 19 tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

[1.4] Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/3/2022 và Hủy hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 12/4/2022 giữa bà Nguyễn HN và ông Nguyễn Văn Thanh T6 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Trương Thị Thanh Thúy đối với thửa đất 691, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nói trên lại cho bà Trương Thị Lài.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Trương Thị Lài là thửa đất 269 (nay là thửa 691, 692).

[2.1] Chia cho bà Nguyễn V2 phần đất có diện tích 1.099,5m^2 thuộc một phần thửa đất 269 (nay là thửa 692), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Buộc ông Huỳnh Văn L1 phải trả lại cho bà Nguyễn V2 số tiền 98.880.000 đồng (chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

[2.2] Chia cho ông Huỳnh Văn L1 phần đất có diện tích 858,3m^2 (trong đó có 16,4m^2 nhà mồ của bà Trương Thị Lài) thuộc một phần thửa đất 269 (nay là thửa 691 tách 1), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

[2.3] Chia cho bà Nguyễn Thị Đ1 phần đất có diện tích 1.135,1m^2 (trong đó có 150m^2 đất thổ cư) thuộc một phần thửa đất 269 (nay là thửa 691 tách 2), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Buộc ông Huỳnh Văn L1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền 27.680.000 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với các công trình trên đất gồm nhà của bà Lài; nhà của bà Như, ông HN7 do các bên không tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

[2.4] Chia cho bà Huỳnh Thị N1 phần đất có diện tích 753,3m^2 thuộc một phần thửa đất 269 (nay là thửa 691 còn lại), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Buộc ông Huỳnh Văn L1 phải trả lại cho bà Huỳnh Thị N1 N1 số tiền 25.320.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

(Các phần đất tương ứng có họa đồ kèm theo).

Buộc bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Thanh HN7 có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng, chậu kiểng ra khỏi đất để giao đất lại cho ông Huỳnh Văn L1 và bà Huỳnh Thị N1.

[3] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản của bà Trương Thị Lài là căn nhà xây dựng trên thửa đất 691 (do bà Nguyễn Thị Đ1 đang quản lý, sử dụng).

[4] Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E đối với ông Nguyễn Văn Thanh T6 và bà Nguyễn Thị Thu T8.

[5] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Trương Thị Lài là thửa đất 267.

[5.1] Chia cho bà Huỳnh Thị N1 phần đất có diện tích 839,5m^2 thuộc một phần thửa đất 267 (ký hiệu là 267 còn lại), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

[5.2] Chia cho ông Huỳnh Văn L1 phần đất có diện tích 839,2m^2 thuộc một phần thửa đất 267 (ký hiệu là 267 tách 3), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

[5.3] Chia cho bà Nguyễn Thị Đ1 phần đất có diện tích 1.258,8m^2 thuộc một phần thửa đất 267 (ký hiệu là 267 tách 2), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

[5.4] Chia cho bà Nguyễn V2 phần đất có diện tích 1.258,8m^2 thuộc một phần thửa đất 267 (ký hiệu là 267 tách 1), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ1 có nghĩa vụ giao cho ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị N1 và bà Nguyễn V2 phần đất được chia nói trên.

(Các phần đất tương ứng có họa đồ kèm theo).

[6] Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên, tách thửa, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này cho phù hợp với nội dung bản án đã tuyên.

[7] Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 về việc đòi lại tài sản là các thửa đất 267, 691, cùng tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Thanh T6 về việc yêu cầu ông L1, bà N1 trả lại giá trị phần đất mà ông bà được nhận. Ông Nguyễn Văn Thanh T6 được quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn HN để giải quyết hậu quả của hợp đồng bị hủy đối với thửa đất 267, 691 trong vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – V nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8. Nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết như sau:

- Bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn văn Thanh T6.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 thống nhất thỏa thuận về việc phân chia di sản của bà Trương Thị Lài, cụ thể:

- Chia cho ông Huỳnh Văn L1 phần đất có diện tích 858,3m^2 (trong đó có 16,4m^2 nhà mồ của bà Trương Thị Lài) thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 tách 1), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

- Chia cho bà Huỳnh Thị N1 phần đất có diện tích 753,3m^2 thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 còn lại), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Ông L1, bà N1 không phải hoàn trả giá trị đối với chênh lệch diện tích mỗi người được nhận tại thửa đất này.

- Thửa đất 267, tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 được đứng tên và được toàn quyền quản lý, sử dụng.

- Thửa đất 692, tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn V2.

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 rút lại kháng cáo và đồng ý với thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2.

- Về chi phí tố tụng chia đều làm 4 cho ông N1, ông L1, bà Đ1, bà Vỡ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án căn cứ Điều 289, 295, 300, 312, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V) theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa. Đình chỉ xét xử phúc thẩm

đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thanh T6 và bà Nguyễn Thị Thu T8. Án phí tính theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Tại bản án dân sự phúc thẩm số 300/2024/DS-PT ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh E đã tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 237/2023/DS-ST ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E giải quyết lại theo quy định, đưa ***Ngân hàng A*** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại thông báo về việc thụ lý vụ án số 335/2024/TBTLVA ngày 07/11/2024 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E lại đưa ***Ngân hàng A – Chi nhánh huyện L, tỉnh E*** vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Ngân hàng A – Chi nhánh huyện L, tỉnh E là người có yêu cầu độc lập. Trong suốt quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm Ngân hàng A không tham gia và không có lời trình bày là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tuy nhiên, ông T6, bà T8 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7106-LAV-202201705 với Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E. Ngày 07/5/2025, Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E đã có đơn rút yêu cầu độc lập đối với ông T6, bà T8 với lý do ông T6 và bà T8 đã trả tất nợ vay tại Ngân hàng vào ngày 06/5/2025. Đồng thời, tại Văn bản số 558/NHNo.CL-KH ngày 04/9/2025, ông Phạm Hưng Quốc là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A xác định khoản vay của ông T6 tại Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E đã được thanh toán xong. Do đó, quyền lợi của Ngân hàng A đã được đảm bảo nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này. Tòa án phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại tư cách tham gia tố tụng trong vụ án đối với Ngân hàng A.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 rút lại kháng cáo và đồng ý với thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Trương Thị Lài. Căn cứ quy định tại Điều 289, 295, 312 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được về việc giải quyết nội dung vụ án, cụ thể:

- Chia cho ông Huỳnh Văn L1 phần đất có diện tích 858,3m^2 (trong đó có 16,4m^2 nhà mồ của bà Trương Thị Lài) thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 tách 1), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

- Chia cho bà Huỳnh Thị N1 phần đất có diện tích 753,3m^2 thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 còn lại), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Ông L1, bà N1 không phải hoàn trả giá trị đối với chênh lệch diện tích mỗi người được nhận tại thửa đất này.

- Thửa đất 267, tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 được đứng tên và được toàn quyền quản lý, sử dụng.

- Thửa đất 692, tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn V2.

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 rút lại kháng cáo và đồng ý với thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Trương Thị Lài.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được công nhận. Do đó, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V) và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Thanh T6 và bà Nguyễn Thị Thu T8.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là 8.350.000 đồng. Các đương sự thống nhất: Ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2 mỗi người chịu chi phí tố tụng với số tiền là 2.087.500 đồng (hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Do ông L1 đã thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng nên bà N1, bà Đ1, bà Vỡ có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông L1 số tiền 2.087.500 đồng mỗi người.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng đối với phần diện tích được nhận theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể:

- Ông Huỳnh Văn L1 phải chịu án phí với số tiền là 5% x 171.660.000 đồng = 8.583.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.042.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006978 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân

sự Khu vực 6 – V). Hoàn lại cho ông L1 số tiền là 1.459.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006978 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V).

- Bà Huỳnh Thị N1 phải chịu án phí với số tiền là 5% x 150.660.000 đồng = 7.533.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.042.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006979 ngày 29/6/2022 và số tiền 900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004431 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V). Hoàn lại cho bà N1 số tiền là 3.409.000 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu án phí với số tiền là 36.000.000 đồng + (3% x 878.520.000 đồng) = 62.355.600 đồng. Tuy nhiên, bà Đ1 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

- Bà Nguyễn V2 phải chịu án phí với số tiền là 5% x 219.900.000 đồng = 10.995.000 đồng.

- Bà Nguyễn HN phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6 phải chịu án phí với số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007700 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V). Ông T6 phải tiếp tục nộp số tiền là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.109.000 đồng (mười sáu triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005818 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 289, 295, 300, 312, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Thanh T6 và bà Nguyễn Thị Thu T8.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh E (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – V). Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông Huỳnh Văn L1, bà Huỳnh Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN, ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8, cụ thể phân chia di sản của bà Trương Thị Lài như sau:

- Chia cho ông Huỳnh Văn L1 phần đất có diện tích 858,3m^2 (trong đó có 16,4m^2 nhà mồ của bà Trương Thị Lài) thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 tách 1), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

- Chia cho bà Huỳnh Thị N1 phần đất có diện tích 753,3m^2 thuộc một phần thửa đất 269 (ký hiệu 691 còn lại), tờ bản đồ 19, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E.

Ông L1, bà N1 không phải hoàn trả giá trị đối với chênh lệch diện tích mỗi người được nhận tại thửa đất này.

- Thửa đất 267, tờ bản đồ 19, có diện tích là 4.196,3m^2, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 được đứng tên và được toàn quyền quản lý, sử dụng.

- Thửa đất 692, tờ bản đồ 19, diện tích 1.099,5 m^2, tọa lạc xã V1, huyện L, tỉnh E giao cho bà Nguyễn V2.

(Có họa đồ kèm theo).

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 267 và thửa đất 269 (nay là thửa đất 691 và thửa đất 692), cùng tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp Vĩnh Phú, xã V1, huyện L, tỉnh E phù hợp với nội dung bản án đã tuyên khi đương sự có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị N1, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn V2 mỗi người có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn L1 số tiền 2.087.500 đồng (hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn L1 phải chịu án phí với số tiền là 8.583.000 đồng (tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.042.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006978 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V). Hoàn lại cho ông L1 số tiền là 1.459.000 đồng (một triệu bốn trăm

năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006978 ngày 29/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V).

- Bà Huỳnh Thị N1 phải chịu án phí với số tiền là 7.533.000 đồng (bảy triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.042.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006979 ngày 29/6/2022 và số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004431 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V). Hoàn lại cho bà N1 số tiền là 3.409.000 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Đ1 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

- Bà Nguyễn V2 phải chịu án phí với số tiền là 10.995.000 đồng (mười triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn HN phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6 phải chịu án phí với số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007700 ngày 21/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V). Ông T6 phải tiếp tục nộp số tiền là 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh huyện L, tỉnh E số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.109.000 đồng (mười sáu triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005818 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – V).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn lại cho bà Nguyễn V2, bà Nguyễn HN số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người theo biên lai thu tiền số 0000897, 0000894 cùng ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V.

- Ông Nguyễn Văn Thanh T6, bà Nguyễn Thị Thu T8 phải chịu án phí với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mỗi người, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000949, 0000947 cùng ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh V;
- TAND khu vực 6-V;
- Phòng THADS khu vực 6-V;
- Phòng GĐKT,TT&THA T. V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương